TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy Phượng

Ông Đặng Lễ Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè mở phiên xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Vũ P, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Bà Lê Thị Kiều K, sinh năm 1976 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Trần Vũ P là nguyên đơn trình bày: Ông và bà Lê Thị Kiều K bắt đầu chung sống vào năm 1996 không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống không có con

chung, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế gia đình gặp khó khăn vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên không duy trì được hạnh phúc đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Nay ông xác định vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Kiều K.

- Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông P khai không có nợ chung.

Bà Lê Thị Kiều K là bị đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và có lời trình như sau: Bà và ông Trần Vũ P bắt đầu chung sống vào năm 1996 không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống không có con chung, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên không duy trì được hạnh phúc đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Nay ông P yêu cầu ly hôn thì bà K xét thấy không còn tình cảm với Ông P nữa nên cũng đồng ý ly hôn với ông P.

- Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà khai không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 228; 273 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Trần Vũ P và bà Lê Thị Kiều K là vợ chồng.

Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: Ông Trần Vũ P và bà Lê Thị Kiều K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Buộc ông Trần Vũ P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn" và bị đơn cư trú tại ấp 2, xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Lê Thị Kiều K hợp lệ nhưng bà Lê Thị Kiều K vẫn vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Kiều K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông P trình bày ông và bà K mâu thuẫn là do mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế gia đình gặp khó khăn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Kiều K. Đồng thời theo lời khai của bà Lê Thị Kiều K trong quá trình giải quyết vụ án, bà K cũng xác định tình cảm vợ chồng bà đã không còn, bà đồng ý ly hôn với ông P. Do ông P và bà K chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, mà không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng, do đó Hội đồng xét xử không công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông P và bà K được mà áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông P và bà Khuyên.

[3] Về con chung: Ông Trần Vũ P và bà Lê Thị Kiều K khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Trần Vũ P và bà Lê Thị Kiều K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Trần Vũ P và bà Lê Thị Kiều K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Trần Vũ P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không công nhận ông Trần Vũ P và bà Lê Thị Kiều K là vợ chồng.

Về con chung: Ông Trần Vũ P và bà Lê Thị Kiều K khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: Ông Trần Vũ P và bà Lê Thị Kiều K cùng thống nhất không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông Trần Vũ P và bà Lê Thị Kiều K khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Trần Vũ P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016161 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, Ông P đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Ông Trần Vũ P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Kiều K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Tú